

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lệ H, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã B1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ H trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Thành T1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long. Sau lễ cưới vợ chồng cất nhà ra riêng tại địa chỉ Ấp 7, xã L, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long, chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thiếu sự quan tâm chăm lo đời sống kinh tế chung của gia đình, khi chị khuyên ngăn thì anh T1 kiêu chuyệ cự cãi,

thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm, nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà, đồng thời còn thách thức chị ly hôn dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn đã được cha mẹ hai bên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nên chị trở về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ ấp N, xã B1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long để sinh sống và ly thân với anh T1 từ tháng 3/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T1 có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 30/12/2008 hiện anh Thắng đang nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 17/11/2015 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q, không yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng cho cháu Q, đồng ý giao cháu T2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho cháu T2.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thành T1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Theo yêu cầu khởi kiện, anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ vì còn tình cảm với chị H.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho cháu T2, đồng ý giao cháu Q cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho cháu Q.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- **Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị H, anh T1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2021, xuất phát từ việc anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thiếu sự quan tâm chăm lo đời sống kinh tế chung của gia đình diễn ra trong thời gian dài, khi chị H khuyên ngăn thì anh T1 cự cãi, nhiều lần dùng lời lẽ thiếu tôn trọng và thách thức chị H ly hôn làm cho mâu thuẫn vợ chồng không thể điều hòa được dẫn đến mất hạnh phúc. Chị H, anh T1 có thời gian sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Xét nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn làm vợ chồng mất hạnh phúc, lỗi thuộc về anh T1. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T1 thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ngoài việc gọi điện thoại, nhắn tin đề nghị chị H quay về đoàn tụ thì anh không có động thái nào khác để hàn gắn tình cảm với chị H. Do đó, lời trình bày của anh T1, không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ vì còn tình cảm với chị H là không có cơ sở. Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh T1. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, nhận định của Tòa án như trên, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa chị H và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh T1.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị H, anh T1 có với nhau 02 người con chung là cháu T2 đã trên 14 tuổi và cháu Q đã trên 07 tuổi. Xét nguyện vọng của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn, cháu Q muốn được sống chung với chị H, cháu T2 muốn được sống chung với anh T1. Chị H đồng ý nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho cháu Q. Anh T1 đồng ý nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho cháu Thái. Căn cứ vào Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết: Giao cháu Q cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho cháu Q; giao cháu T2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của anh T1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho cháu T2; chị H, anh T1 có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí,

lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị H phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Lệ H và anh Nguyễn Thành T1.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2015 cho chị Phạm Thị Lệ H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh Nguyễn Thành T1 cấp dưỡng cho cháu Q.

2.2. Giao cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2008 cho anh Nguyễn Thành T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh T1 không yêu cầu chị Phạm Thị Lệ H cấp dưỡng cho cháu T2.

2.3. Chị Phạm Thị Lệ H, anh Nguyễn Thành T1 có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Lệ H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011056 ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Phạm Thị Lệ H, anh Nguyễn Thành T1. Báo cho chị H, anh T1 biết được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân